

Số: 01/2022/QĐST-HNGĐ

KS, ngày 13 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KS, TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 25/2021/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021, về “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị **Phạm Thị S** - sinh năm 1994.

Nơi cư trú: Tổ dân phố HP, thị trấn TH, huyện KS, tỉnh Khánh Hoà.

- Anh **Nguyễn Hữu A** – sinh năm 1976.

Hộ khẩu thường trú: Thôn NT, xã CN, huyện CX, tỉnh Hà Tĩnh.

Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố HP, thị trấn TH, huyện KS, tỉnh Khánh Hoà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phạm Thị S và anh Nguyễn Hữu A tự nguyện chung sống và kết hôn với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã CN, huyện CX, tỉnh HT cấp giấy chứng nhận kết hôn số 41; quyền số 01/2015 ngày 09/12/2015 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống: Sau khi kết hôn vợ chồng chị Phạm Thị S và anh Nguyễn Hữu A sống tại tổ dân phố HP, thị trấn TH, huyện KS. Thời gian đầu vợ chồng anh, chị sống với nhau hòa thuận hạnh phúc và có 03 con chung, nhưng đến năm 2020 thì vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, cách sinh hoạt dẫn đến vợ chồng trở nên căng thẳng, không có hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau, từ tháng 5 năm 2020 đến nay vợ chồng chị đã sống ly thân không quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Nay chị S và anh A cho rằng mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã

tiến hành hòa giải để vợ chồng anh, chị đoàn tụ nhưng không thành, vì vậy anh, chị yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, nên căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của vợ chồng anh, chị.

[2] *Về con chung*: Chị Phạm Thị S và anh Nguyễn Hữu A có 02 con chung là cháu Nguyễn Hữu N - sinh ngày 14/9/2016 và cháu Nguyễn Hữu V - sinh ngày 22/01/2019.

Chị Phạm Thị S và anh Nguyễn Hữu A thỏa thuận: Chị Phạm Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hữu V - sinh ngày 22/01/2019; anh Nguyễn Hữu A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hữu N - sinh ngày 14/9/2016.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị S và anh Nguyễn Hữu A không yêu cầu.

[3] *Về tài sản chung*: Chị Phạm Thị S và anh Nguyễn Hữu A tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Các khoản nợ chung: Không có nên không xét.

[4] *Về lệ phí*: Chị Phạm Thị S và anh Nguyễn Hữu A mỗi người nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí dân sự sơ thẩm về “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung*” theo quy định của pháp luật.

- *Về các vấn đề khác*: Không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phạm Thị S và anh Nguyễn Hữu A thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Chị Phạm Thị S và anh Nguyễn Hữu A thỏa thuận: Chị Phạm Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hữu V - sinh ngày 22/01/2019; anh Nguyễn Hữu A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hữu N - sinh ngày 14/9/2016.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị S và anh Nguyễn Hữu A về không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Chị Phạm Thị S và anh Nguyễn Hữu A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2]. *Về lệ phí Tòa án*: Chị Phạm Thị S và anh Nguyễn Hữu A mỗi người nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) mà chị S và anh A đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí Tòa án số AA/2021/0008138 ngày 23/12/2021 của

Chi cục Thi hành án dân sự huyện KS, tỉnh Khánh Hòa. Chị Phạm Thị S và anh Nguyễn Hữu A đã nộp đủ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

[3]. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện KS;
- Chi cục THADS huyện KS;
- UBND xã CN, huyện CX, tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

TRƯỞNG VĂN VƯƠNG